

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 06/9/2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên;

Các thẩm phán: Ông Trương Quang Tú;

Ông Phạm Trung Thực;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Nhung - Thư ký TAND tỉnh Hưng Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Ông Đào Đức Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2024/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, về việc “Ly hôn, nuôi con chung”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 20/2024/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXX-PT ngày 15 tháng 7 năm 2024 và các Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1994 “có mặt”

Nơi đăng ký HKTT, trú tại: thôn K, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Tống Văn T, sinh năm: 1993; “có mặt”

Quê quán: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: E, 1A, E, Buôn Đ, tỉnh Đắk Lắk;

Hiện trú tại: Khu phố R, phường P, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Lương Thị Y. Địa chỉ: Số H đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương; “có mặt”.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Tống Gia H1, sinh ngày 28/7/2019; nơi đăng ký HKTT: thôn K, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên; “vắng mặt”.

Người giám hộ cho cháu H1: Chị Nguyễn Thị H và anh Tống Văn T (bố, mẹ của cháu H1).

4. Người làm chứng: Bà Lê Thị H2, sinh năm 1973 Trú tại: thôn K, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên; “vắng mặt”.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Tống Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh anh Tống Văn T, sinh năm 1993, quê quán xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: E, 1A, E, Buôn Đ, Đ vào năm 2019. Hôn nhân giữa chị và anh T là hoàn toàn tự nguyện và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 11/3/2019. Trước khi đăng ký kết hôn, chị và anh T đã có thời gian chung sống với nhau tại huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị tiếp tục thuê nhà chung sống và làm ăn tại huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng chị có cuộc sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về quan điểm lối sống, hai bên thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn căng thẳng, ngày 26/11/2023 chị đã mang con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn K, xã T, huyện K sinh sống. Mặc dù anh T có yêu cầu chị trở về đoàn tụ nhưng chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị không đồng ý. Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là Tống Gia H1, sinh ngày 28/7/2019, hiện chị đang nuôi dưỡng, ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1 và không yêu cầu anh T đóng góp nuôi con chung. Hiện nay chị là công nhân của Công ty S, địa chỉ tại thành phố H, thu nhập trung bình trên 10.000.000đ/tháng, chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp và công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Chị không yêu cầu đặt ra giải quyết.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2024, bị đơn anh Tống Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và quá trình chung sống đúng như chị H đã trình bày. Về nguyên nhân và diễn biến mâu thuẫn, theo anh T thì vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong gia đình. Kể từ ngày 26/11/2023, chị H đã mang con đi khỏi nhà và không quay về đoàn tụ nữa. Mặc dù anh đã nhiều lần gọi điện và đến đón chị H trở về đoàn tụ nhưng chị không nghe. Nay chị H xin ly hôn, anh xét thấy không còn khả năng đoàn tụ nên cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có một con chung là Tống Gia H1, sinh ngày 28/7/2019, hiện tại đang ở với chị H. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và không yêu cầu đóng góp nuôi con chung. Anh khai

đang làm nghề cắt tóc tại thành phố T, tỉnh Bắc Ninh, thu nhập trung bình khoảng 15.000.000đ/tháng, anh có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp và công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Anh không yêu cầu đặt ra giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2024, người làm chứng bà Lê Thị H2 trình bày:

Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị H. Năm 2019 gia đình bà tổ chức hôn lễ cho chị H và anh T. Hôn nhân giữa chị H và anh T là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H thuê nhà trọ và làm ăn, sinh sống tại huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Bà được biết, quá trình chung sống, thời gian đầu thì vợ chồng chị H chung sống bình thường. Sau khoảng hơn một năm thì vợ chồng chị H xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống. Gia đình bà đã hết sức khuyên ngăn, động viên anh chị đoàn tụ nhưng không có kết quả. Đến tháng 11/2023, chị H mang con về gia đình bà sinh sống và không trở về đoàn tụ với anh T nữa. Nay chị H xin ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng chị H có một con chung là cháu Tổng Gia H1, sinh ngày 28/7/2019, hiện cháu H1 đang ở với chị H. Vợ chồng chị H không có tài sản, công nợ gì chung. Quá trình anh, chị chung sống không có liên quan gì đến tài sản, công nợ gì với gia đình bà và cũng không có công sức gì đóng góp đối với gia đình bà.

Tại Biên bản xác minh ngày 19/3/2024, UBND xã T cung cấp: Chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn với anh Tổng Văn T tại UBND xã T ngày 11/3/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H chung sống tại tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống, vợ chồng chị H đã xảy ra mâu thuẫn nên chị H đã trở về nhà bố mẹ đẻ ở xã T. Vợ chồng chị H có một con chung tên là Tổng Gia H1, sinh ngày 28/7/2019. Về tài sản chung, công nợ chung, đất nông nghiệp 03 của vợ chồng chị H thì chính quyền địa phương không nắm được. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 20/2024/HNGĐ-ST ngày 02/5/2024 của Tòa án nhân huyện Khoái Châu quyết định:

Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Tổng Văn T.

Về con chung: Xử giao cháu Tổng Gia H1, sinh ngày 28/7/2019 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Việc đóng góp nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung; công nợ chung của vợ chồng; đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo Biên lai số: 0001173 ngày 13/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu, chị H đã thi hành xong phần án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Ngày 13/5/2024, bị đơn anh Tống Văn T có đơn kháng cáo, nội dung kháng cáo của anh T yêu cầu:

Anh không nhất trí việc TAND huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên giao con chung là cháu Tống Gia H1 cho chị H nuôi dưỡng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng giao cháu Tống Gia H1 cho anh T được trực tiếp và chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Bị đơn anh Tống Văn T, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1, bà Lương Thị Y giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Kể từ khi thụ ký vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của bị đơn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự bác kháng cáo của anh Tống Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Tống Văn T được làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ và được xem xét theo quy định của pháp luật:

[2]. Về nội dung kháng cáo của anh T, HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không thể duy trì cuộc hôn nhân đồng thời nhất trí ly hôn nên Tòa án cấp sơ thẩm công nhận thuận tình ly hôn của hai anh chị là có căn cứ.

[2.2]. Về việc nuôi con chung:

Nguyên vọng nuôi con chung của anh T và chị H đều chính đáng và được xem xét. Nhận thấy cả hai anh chị đều có đủ điều kiện để nuôi con chung là cháu Tổng Gia H1. Tuy nhiên, hiện nay cháu H1 đang sinh sống, sinh hoạt và học tập ổn định với chị H tại thôn K, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Cháu H1 sinh năm 2019 hiện cháu mới 5 tuổi còn rất nhỏ nên sự chăm sóc, gần gũi của mẹ là thuận lợi hơn so với anh T. Mặt khác chị H được sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ là gia đình ông bà Lê Thị H2 trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1.

Để đảm bảo quyền lợi của cháu H1, tránh những xáo trộn về ăn ở, học tập, sinh hoạt ảnh hưởng đến tâm sinh lý của trẻ nhỏ. Cần tiếp tục giao cháu H1 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy kháng cáo của anh T là không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí: Kháng cáo của anh T không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Tổng Văn T, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 20/2024/HNGĐ-ST ngày 02/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

2. Án phí: Anh Tổng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001247 ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu; Anh T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- TA, THA huyện Khoái Châu
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên